TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 186/2026/HNGĐ-ST Ngày: 21 - 5 - 2026 V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Phạm Minh Giới;
Ông Phan Công Điện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Minh T, sinh năm 1996
Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Đoàn Thị Phúc A, sinh năm 1992
Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02 tháng 3 năm 2026, nguyên đơn là ông Lê Minh T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là bà Đoàn Thị Phúc A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung không hợp, thường bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cải. Do không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân nên

vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2025 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là: Lê Đoàn Minh T1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2020; Lê Đoàn Minh A1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2024. Hiện đều do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Đồng ý giao cả hai con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2026, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đoàn Minh T1, đồng ý giao cháu Lê Đoàn Minh A1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng ý giao cả hai con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

- Bị đơn là bà Đoàn Thị Phúc A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không, chứng minh phía bị đơn không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Xét các con chung của các đương sự là Lê Đoàn Minh T1 và Lê Đoàn Minh A1 đã được bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc các đương sự ly thân cho đến nay, cuộc sống của con chung đã ổn định nên không cần thiết phải xáo trộn, mà cần giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt để trình bày có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không; tại đơn xin vắng mặt ngày 12 tháng 5 năm 2026, bị đơn cũng không đề cập đến vấn đề yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho bị đơn được quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác, nếu có phát sinh tranh chấp.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn cho rằng các đương sự không có tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết; bị đơn không có mặt để xác định các đương sự có tài sản chung, nợ chung hay không nên không đặt ra xem xét, trường hợp các đương sự có tài sản chung, nợ chung và có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Minh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T được ly hôn với bà Đoàn Thị Phúc A.

1.2. Về con chung: Bà Đoàn Thị Phúc A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là: Lê Đoàn Minh T1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2020; Lê Đoàn Minh A1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2024. Ghi nhận cho bà Đoàn Thị Phúc A được quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác, nếu có phát sinh tranh chấp. Bà Đoàn Thị Phúc A cùng các thành viên khác trong

gia đình không được cản trở ông Lê Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004906 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Tân Bình, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng